**Ngày soạn: 21/10/2024**

**ppct: Tiết 15,16,17,18,19**

**BÀI 7. LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM**

**I. Mục tiêu**

***1. Yêu cầu cần đạt***

- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta

- Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.

- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

- Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm.

- Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.

***2. Năng lực***

- Nhận thức khoa học địa lí: xác định được sự phân bố nguồn lao động ở nước ta.

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tháp dân số) để phân tích được đặc điểm lao động và việc làm nước ta.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế địa phương về vấn đề lao động và việc làm.

***3. Phẩm chất***

Có trách nhiệm tham gia lao động để xây dựng và phát triển đất nước.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. GV:**

- Biểu đồ, bảng số liệu về lực lượng lao động.

- Đường link một số trang web để HS tìm dữ liệu:

+ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>

+ <https://tapchicongthuong.com.vn/bai-viet/chien-luoc-phat-trien-nguon-nhan-luc-quoc-gia-cua-viet-nam-trong-boi-canh-cuoc-cach-mang-cong-nghep-40-83984.htm>

**2. HS**: SGK, máy tính, thước kẻ

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu**

***a) Mục tiêu***

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về lao động việc làm Việt Nam với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

***b) Tổ chức thực hiện***

- GV có thể gợi mở những kiến thức đã học về lao động và việc làm ở lớp 10 để liên hệ với vấn đề lao động và việc làm ở Việt Nam.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

***2.1. Nội dung 1:Tìm hiểu đặc điểm nguồn lao động Việt Nam***

*a) Mục tiêu*

Trình bày được đặc điểm nguồn lao động của nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV tổ chức HS làm việc theo nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, hoàn thành phiếu học tập. - HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu học tập.

- Đại diện nhóm trình bày kết quả học tập, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- GV đánh giá, tổng kết.

|  |
| --- |
| **ĐẶC ĐIỂM NGUỒN LAO ĐỘNG**  **1.** Số lượng  Nguồn lao động dồi dào, đang tăng lên.  **2.** Chất lượng  - Cần cù, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.  - Năng động, dễ dàng tiếp thu khoa học – công nghệ hiện đại trong sản xuất.  - Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.  - Chất lượng lao động có sự phân hoá theo vùng.  - Hạn chế: thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động công nghiệp  **3.** Phân bố  Đồng bằng sông Hồng có số lượng lao động lớn nhất cả nước  Lao động chủ yếu sống ở nông thôn chiếm hơn 63%. |

***2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu về vấn đề sử dụng lao động***

*a) Mục tiêu*

Phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV gợi ý HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:

+ Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế có xu hướng chuyển dịch ra sao?

+ Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế thể hiện điều gì?

+ Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn ở nước ta?

- HS làm việc cá nhân, phân tích bảng số liệu, biểu đồ trong SGK để trả lời câu hỏi

- Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV tổng kết:

|  |
| --- |
| Theo ngành kinh tế, cơ cấu lao động nước ta có sự chuyển dịch phù hợp với đường lối phát triển kinh tế - xã hội đất nước: giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; tăng tỉ lệ lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.  Theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng giảm tỉ lệ lao động khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ lệ lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  Theo thành thị, nông thôn, lao động nông thôn chiếm tỉ lệ lớn. Có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ lệ lao động nông thôn, tăng tỉ lệ lao động thành thị. |

***2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu vấn đề việc làm và hướng giải quyết***

*a) Mục tiêu*

– Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta.

- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV tổ chức thảo luận cả lớp, gợi ý thảo luận:

+ Vấn đề việc làm của nước ta hiện nay như thế nào?

+ Một số giải pháp để giải quyết việc làm ở nước ta.

- HS tham khảo thông tin SGK và hiểu biết cá nhân để tham gia thảo luận cùng cả lớp.

- GV điều khiển cuộc thảo luận, đánh giá, tổng kết.

|  |
| --- |
| + Vấn đề việc làm: Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm khá thấp. Khu vực thành thị thường có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn khu vực nông thôn. Các việc làm giản đơn còn phổ biến.  + Giải pháp:  Hoàn thiện chính sách, luật pháp về lao động nhằm khuyến khích, hỗ trợ, huy động mọi nguồn lực đầu tư tạo việc làm.  Đẩy mạnh việc đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng lao động.  Phát triển hệ thống tư vấn, thông tin về thị trường lao động, việc làm  Xây dựng và thực hiện tốt hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp  Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lao động. |

**3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập**

*a) Mục tiêu*

Sử dụng kĩ năng đã học, vẽ biểu đồ và nhận xét về cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2021.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HS làm bài luyện tập trong SGK.

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài vào vở.

- GV đưa ra đáp án, HS tự chấm, chữa, hoàn thiện bài.

|  |
| --- |
| + Vẽ biểu đồ tròn, bán kính đường tròn năm 2021 lớn hơn năm 2000  + Nhận xét: Cơ cấu sử dụng lao động có xu hướng chuyển dịch: giảm nhanh tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; tăng tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. |

**4. Vận dụng**

*a) Mục tiêu*

Vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu về một số ngành nghề mới có nhiều cơ hội việc làm ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

- HS thu thập thông tin và chia sẻ kết quả với bạn trong lớp.

**IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG**

Trả lời các câu hỏi sau:

- Mỗi năm nguồn lao động nước ta tăng thêm khoảng: ………………………………………………

- Lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất: …………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………….

- Lao động nước ta chủ yếu sinh sống ở khu vực: ………………………………………………….

- Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản có xu hướng: …………………

- Thành phần kinh tế có tỉ lệ lao động lớn nhất là: …………………………………………………

- Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của nước ta là: ……………………………………………….

**BÀI 8. ĐÔ THỊ HOÁ**

**I. Mục tiêu**

***1. Yêu cầu cần đạt***

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị.

- Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta.

- Viết được báo cáo giới thiệu về chủ đề đô thị hoá ở Việt Nam.

***2. Năng lực***

- Nhận thức khoa học địa lí: xác định được sự phân bố mang lưới đô thị ở nước ta.

- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí học (bảng số liệu, bản đồ) để phân tích được đặc điểm đô thị hoá và phân bố đô thị ở nước ta.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế viết báo cáo về đô thị hoá ở nước ta.

***3. Phẩm chất***

- Chăm chỉ, trung thực.

- Có trách nhiệm.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. GV**

- Bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam

- Bảng số liệu về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị, bảng số lượng đô thị và số dân đô thị theo vùng của nước ta năm 2021

- Đường link một số trang web để HS tìm dữ liệu:

+ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>

+ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-06-nqtw-ngay-24012022-cua-bo-chinh-tri-ve-quy-hoach-xay-dung-quan-ly-va-phat-trien-ben-vung-do-thi-viet-8335>

**2. Học sinh**

- SGK, máy tính bỏ túi, thước kẻ

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu**

*a) Mục tiêu*

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HS về đô thị hoá với nội dung bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

*b) Tổ chức thực hiện*

GV có thể gợi mở những kiến thức đã học về đô thị hoá ở lớp 10 như tỉ lệ dân thành thị trung bình của thế giới, số siêu đô thị, xu hướng đô thị hoá trên thế giới để liên hệ với vấn đề đô thị hoá ở Việt Nam.

**2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

***2.1. Nội dung 1. Tìm hiểu đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam***

*a) Mục tiêu*

Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV gợi ý HS đọc thông tin trong SGK, nêu đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.

- HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung.

- Một số HS trình bày về đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.

- GV tổng kết:

|  |
| --- |
| + Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Kinh tế phát triển, nhiều đô thị được đầu tư quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh trở thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước.  Tỉ lệ dân thành thị giữa các vùng có sự khác biệt. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của Đông Nam Bộ là 66,4%, Trung du và miền núi Bắc Bộ là 20,5%.  + Mạng lưới đô thị ngày càng mở rộng và thay đổi chức năng: Tổng số đô thị nước ta năm 2021 là 749 đô thị. Các đô thị không chỉ có chức năng hành chính mà còn là trung tâm kinh tế, văn hoá, đổi mới sáng tạo có ý nghĩa thu hút đầu tư và lan toả sự phát triển đến các địa phương lân cận. |

***2.2. Nội dung 2. Tìm hiểu về mạng lưới đô thị Việt Nam***

*a) Mục tiêu*

Trình bày được đặc điểm sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV hướng dẫn HS, phân tích bản đồ để rút ra đặc điểm phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.

- HS làm việc cá nhân, viết thông tin phân tích được vào vở.

- HS đọc kết quả tìm hiểu. Các HS khác bổ sung.

- GV tổng kết.

|  |
| --- |
| + Số lượng đô thị tăng khá nhanh  + Phân loại đô thị: Dựa trên các tiêu chí về vị trí, chức năng, vai trò; quy mô và mật độ dân số; tỉ lệ lao động phi nông nghiệp; trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan, đô thị nước ta được phân thành 6 loại: Loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V. Về phương diện quản lí, cấp Trung ương quản lí Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. Cấp tỉnh quản lí các thành phố trực thuộc tỉnh (đô thị loại I, loại II, loại III) và thị xã (đô thị loại III, loại IV). Cấp huyện quản lí các thị trấn (đô thị loại IV, loại V) |

***2.3. Nội dung 3. Tìm hiểu ảnh hưởng của đô thị hoá***

*a) Mục tiêu*

Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV cung cấp một số thông tin về sự phát triển, mở rộng các đô thị, sự thay đổi lối sống của cư dân thành thị,… GV đặt vấn đề: đô thị hoá ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?

- HS tham khảo thông tin SGK và hiểu biết cá nhân để tham gia thảo luận cùng cả lớp.

- GV điều khiển cuộc thảo luận, đánh giá, tổng kết.

|  |
| --- |
| + Ảnh hưởng tích cực:  Dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn, từ đó nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.  Là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. Năm 2021, đô thị đóng góp tới 70% GDP, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.  Tăng cường cơ sở hạ tầng kĩ thuật, xã hội, như: điện nước, đường sá,…  + Tác động tiêu cực:  Đô thị hoá diễn ra tự phát, không theo quy hoạch gây sức ép việc làm, quá tải về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật, nảy sinh các vấn đề an ninh xã hội và ô nhiễm môi trường. |

**3. Hoạt động 3. Hoạt động luyện tập.**

*a) Mục tiêu*

Sử dụng kiến thức đã học, tổng hợp về ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ luyện tập trong SGK.

- HS làm việc cá nhân, vẽ sơ đồ ra vở.

- GV quan sát, góp ý cho bài làm của HS.

**4. Hoạt động 4. Hoạt động vận dụng**

*a) Mục tiêu*

Vận dụng kiến thức đã học, tìm hiểu về một đô thị ở nước ta.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.

- HS thu thập thông tin và chia sẻ kết quả với bạn trong lớp.

**IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG**

Câu 1. Ý nào **không** đúng khi nói về đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam?

A. Đô thị hoá do dân nông thôn di cư ồ ạt ra thành phố.

B. Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

C. Nhiều đô thị được quy hoạch đồng bộ về cơ sở hạ tầng.

D. Số lượng đô thị ngày càng mở rộng và thay đổi chức năng.

Câu 2. Điền nội dung phù hợp vào chỗ trống.

- Số lượng đô thị của nước ta: …………………………………………………………………

- Vùng có số lượng đô thị nhiều nhất cả nước là: …………………………………………….

- Vùng có số lượng thành phố nhiều nhất là: …………………………………………………

- Thành phố có quy mô dân số lớn nhất nước ta là: ………………………………………….

- Kể tên 5 thành phố trực thuộc trung ương: ………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………

ÔN TẬP GIỮA KÌ I

1. Kiến thức:

Ôn tập các nội dung kiến thức đã học:

**+** Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

+ Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống

+ Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên

+ Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

+ Dân số, lao động và việc làm

+ Đô thị hoá

1. Về năng lực:

+ Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực đặc thù:Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm.

MA TRẬN KÈM THEO

**BÀI 9. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT CHỦ ĐỀ DÂN CƯ Ở VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu**

***1. Yêu cầu cần đạt***

- Viết được báo cáo giới thiệu về một chủ đề dân cư ở Việt Nam.

***2. Năng lực***

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế viết báo cáo về chủ đề dân cư ở nước ta.

***3. Phẩm chất***

Có ý thức tự học, tự rèn luyện kĩ năng.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu:

+ <https://www.gso.gov.vn/dan-so/>

+ [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-06-nqtw-ngay-24012022-cua-bo-chinh-tri-ve-quy-hoach-xay-dung-quan-ly-va-phat-trien-ben-vung-do-thi-viet-8335)

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu**

*a) Mục tiêu*

HS xác định được nhiệm vụ cần giải quyết trong bài học. HS có hứng thú tìm hiểu các chủ đề dân cư Việt Nam.

*b) Tổ chức thực hiện*

GV có thể sử dụng một đoạn video clip có nội dung về một trong các vấn đề: gia tăng dân số, cơ cấu dân số vàng, lao động, việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam để gợi mở về các chủ đề có thể viết báo cáo.

**2. Hoạt động 2. Hoạt động thực hành**

*a) Mục tiêu*

Tìm kiếm, hệ thống hoá thông tin và viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam.

*b) Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ cho HS viết báo cáo từ trước. GV gợi ý HS tham khảo chủ đề, nguồn tư liệu như trong SGK.

- HS viết báo cáo, hoàn thiện sản phẩm.

- Một số HS trình bày báo cáo trước lớp.

- GV nhận xét cách thức làm việc, sản phẩm báo cáo của HS. GV hướng dẫn HS tự chấm điểm vào phiếu đánh giá (phụ lục 1)

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ

Họ tên HS : ………………………………………………………… Lớp: ………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Chấm điểm | Điểm tuyệt đối | Điểm chấm |
| Nội dung | Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng | 2 |  |
| Nội dung phong phú, chính xác | 2 |  |
| Các nguồn thông tin đáng tin cậy | 1 |  |
| Có nhiều dạng thông tin: hình ảnh, số liệu,… | 1 |  |
| Hình thức | Trình bày khoa học | 1 |  |
| Có tính thẩm mĩ, sáng tạo | 1 |  |
| Báo cáo | Trình bày báo cáo rõ ràng | 1 |  |
| Trả lời câu hỏi chính xác, dễ hiểu | 1 |  |
| Tổng hợp |  | 10 |  |